

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024.

V/v: “*Tranh chấp Ly hôn, nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vinh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Hảo, ông Nguyễn Đình Phượng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn tham gia phiên tòa: Ông Y Rin Niê KDăm – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 139/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXX-ST ngày 12 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-DS ngày 28/11/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thùy D – Sinh năm 1996

Trú tại: Thôn 16, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Anh Phan Thế Th - Sinh năm 1996

Trú tại: Thôn 16, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/9/2024, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thùy D trình bày:

Chị và anh Phan Thế Th đăng ký kết hôn ngày 28/8/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới nhau hai vợ chồng về sống chung với gia đình bố, mẹ anh Th tại thôn 16, xã T, huyện B. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng, thì xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Chị D về nhà mẹ đẻ ở thôn 10, xã T, huyện B sinh sống và sinh con, còn anh Th thì vẫn ở với bố mẹ tại thôn 16, xã T. Nguyên nhân là do anh Th không lo làm ăn, hai vợ chồng bất đồng quan điểm về nhiều thứ, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, không thể cứu vãn, đời sống chung không thể duy trì.

Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phan Thế Th.

Về con chung: Chị và anh Th có 01 con chung là cháu Phan Thế Minh Qu, sinh ngày 14/01/2020.

Sau khi ly hôn chị D đề nghị được nuôi dưỡng cháu Phan Thế Minh Qu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phan Thế Th: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự, nhưng anh Th vắng mặt không lý do, không có mặt tại các buổi hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Quá trình thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thùy D và anh Phan Thế Th tại Ban tự quản và Hội phụ nữ thôn 16, xã T, huyện B nơi chị D và anh Th sinh sống. Qua xác minh tại địa phương thì được biết anh Th và chị D sau khi kết hôn về sống chung với gia đình anh Th tại thôn 16, xã T, hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau, nay chị D bỏ về sống với bố mẹ đẻ tại thôn 10, xã T và hai người đã sống ly thân. Tòa án huyện Buôn Đôn đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải, phân tích các quy định của pháp luật nhưng chị D vẫn nhất quyết xin được ly hôn với anh Phan Thế Th, còn anh Th thì không đến Tòa án để làm việc, nên không tiến hành hoà giải được. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự, đưa vụ án ra xét xử.

Tại phần tranh luận nguyên đơn chị Nguyễn Thùy D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Thế Th. Về tài sản chung và nợ chung chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng, giao thông báo thụ lý vụ án, giao thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thu thập chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án. Ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt hợp lệ quyết định xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83

Luật hôn nhân & gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thùy D. Xử cho chị Nguyễn Thùy D được ly hôn với anh Phan Thế Th.

Về nuôi con chung: Đề nghị giao cháu Phan Thế Minh Qu, sinh ngày 14/01/2020 cho chị D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung chị Nguyễn Thùy D không yêu cầu nên không xem xét; chị Nguyễn Thùy D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thùy D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phan Thế Th thì đây là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà hôm nay, bị đơn anh Phan Thế Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án nhận thấy chị Nguyễn Thùy D và anh Phan Thế Th có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk ngày 28/8/2019 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm chia sẻ. Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị Nguyễn Thùy D và anh Phan Thế Th sinh sống thì được biết anh Th và chị D thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau, sau đó hai vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết tại Tòa án chị D nhất quyết đề nghị ly hôn với anh Th. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, xử cho chị Nguyễn Thùy D được ly hôn với anh Phan Thế Th là phù hợp.

[3] Về con chung: Xét thấy chị Nguyễn Thùy D và anh Phan Thế Th có 01 con chung là cháu Phan Thế Minh Qu, sinh ngày 14/01/2020 hiện đang sống với mẹ. Quá trình giải quyết chị D đề nghị được nuôi dưỡng cháu Phan Thế Minh Qu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân & Gia đình, cần giao cháu Phan Thế Minh Qu cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy chị Nguyễn Thùy D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét;

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân & Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thùy D.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thùy D được ly hôn với anh Phan Thế Th.

- *Về nuôi con chung:* Giao cháu Phan Thế Minh Qu, sinh ngày 14/01/2020 cho chị Nguyễn Thùy D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Xét thấy chị Nguyễn Thùy D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét;

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Nguyễn Thùy D không yêu cầu nên không đề cập.

- *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thùy D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu số 0004918 ngày 30/9/2024.

- *Quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thùy D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Phan Thế Th vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Vinh Tuấn

